

SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

SỐ 38

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Tập I-Năm 2022

Nội dung

	<i>Trang</i>
Phần I. Các vấn đề cần lưu ý	03
Phần II. Tóm lược các văn bản pháp quy đã ban hành từ đầu năm 2022 đến nay	
1. Thuế GTGT	5
2. Thuế TNDN	8
3. Thuế TNCN	10
4. Thuế nhà thầu	10
5. Xuất nhập khẩu	11
6. Kế toán tài chính	11
7. Lao động tiền lương	12
8. Quy định khác	13

Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC

Viết tắt

CP

Chính phủ

TTCP

Thủ tướng Chính phủ

BTC

Bộ Tài chính

BCT

Bộ Công thương

BLĐTBXH

Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội

NHNN

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

DNCX

Doanh nghiệp chế xuất

TCT

Tổng Cục thuế

TCHQ

Tổng Cục hải quan

Thuế GTGT

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNCN

Thuế thu nhập cá nhân

LPTB

Lệ phí trước bạ

NĐ

Nghị định

TT

Thông tư

QĐ

Quyết định

CV

Công văn

PHẦN I. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

1. **Tạm nộp ít nhất 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán tính đến ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế quý 4:**

Nghị định 91/2022/NĐ-CP (“Nghị định 91”) ban hành ngày 30/10/2022 sửa đổi, bổ sung Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế. Một số điểm sửa đổi quan trọng của Nghị định 91 như sau:

- Bãi bỏ quy định tạm nộp 03 quý đầu kỳ tính thuế không thấp hơn 75% số phải nộp theo quyết toán năm của Nghị định 126. Theo Nghị định 91, doanh nghiệp phải tạm nộp ít nhất 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán tính đến ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế quý 4. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với quy định thì phải tính tiền chậm nộp trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào NSNN.

Riêng năm tài chính 2021 áp dụng như sau:

- Tính đến ngày 30/10/2022, người nộp thuế có số thuế tạm nộp 03 quý đầu kỳ tính thuế năm 2021 không thấp hơn 75% số phải nộp theo quyết toán năm, thì không áp dụng quy định tỷ lệ tạm nộp 04 quý của Nghị định này.
- Tính đến ngày 30/10/2022, người nộp thuế có số thuế tạm nộp 03 quý đầu kỳ tính thuế năm 2021 thấp hơn 75% số phải nộp theo quyết toán năm, thì được áp dụng theo quy định của Nghị định này nếu không tăng thêm số tiền chậm nộp.
- Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó
- Trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán được ghi nhận vào tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư từ ngày 31/12/2022 trở về trước và chưa được các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký, công ty quản lý quỹ nơi cá nhân ủy thác danh mục đầu tư, tổ chức phát hành chứng khoán khai thuế thay, nộp thuế thay thì cá nhân thực hiện khai, nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật thuế TNCN và không bị xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế, không bị tính tiền chậm nộp (nếu có) từ ngày 5/12/2020 (ngày Nghị định 126 có hiệu lực thi hành) đến hết ngày 31/12/2022.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành

2. **Nghị định 49/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế GTGT**

Ngày 29/7/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định 49/2022/NĐ-CP (“Nghị định 49”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2013/NĐ-CP và các nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 209 (bao gồm Nghị định 12/2015/NĐCP, Nghị định 100/2016/ND-CP và Nghị định 146/2017/ND-CP) về chính sách thuế GTGT. Các nội dung đáng lưu ý của Nghị định 49 như sau:

Sửa đổi quy định về giá đất được trừ để tính thuế GTGT khi chuyển nhượng bất động sản

- Giá đất được trừ khi tính thuế GTGT theo Nghị định bao gồm cả tiền sử dụng đất được miễn, giảm (đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán) hoặc tiền thuê đất được miễn, giảm (đối với trường hợp thuê đất để đầu tư cơ sở hạ tầng để cho thuê, xây dựng nhà để bán).
- Trường hợp được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế GTGT bao gồm tiền sử dụng đất/tiền thuê đất phải nộp cho Ngân sách Nhà nước và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ là số tiền theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được trừ vào tiền sử dụng đất/tiền thuê đất theo quy định hiện hành. Các Nghị định trước đây chưa đưa ra quy định rõ ràng về mức tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ là mức phát sinh thực tế hay mức phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.
- Bổ sung trường hợp doanh nghiệp nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá ghi trong hợp đồng góp vốn. Trường hợp giá

chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất nhận góp vốn thì chỉ được trừ giá đất theo giá chuyển nhượng.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất tại thời điểm chuyển nhượng, không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng. Trước Nghị định 49, quy định cho phép doanh nghiệp 2 lựa chọn trong trường hợp này: (1) Giá đất được trừ bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng nếu doanh nghiệp không khấu trừ thuế GTGT của cơ sở hạ tầng; (2) Giá đất được trừ không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng nếu doanh nghiệp đã khấu trừ thuế GTGT của cơ sở hạ tầng.

Sửa đổi quy định về giá tính thuế GTGT đối với các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam

Nghị định 49 quy định giá tính thuế đối với hoạt động sản xuất điện được xác định theo từng trường hợp khác nhau, bao gồm thủy điện (là 35% giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế GTGT), nhiệt điện (là giá bán điện cho khách hàng ghi trên hóa đơn theo hợp đồng mua bán điện), khác (là giá bán điện chưa có thuế GTGT do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện).

Sửa đổi quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư

- Nghị định 49 bổ sung quy định cho phép hoàn thuế GTGT với dự án đầu tư mới được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư, dự án đầu tư mới cùng tỉnh, thành phố với dự án đang hoạt động và làm rõ chính sách hoàn thuế đối với dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khi đang trong giai đoạn đầu tư. Bên cạnh đó, Nghị định 49 bỏ yêu cầu về thời gian đầu từ 01 năm trở lên để được hoàn thuế theo năm.
- Quy định rõ về yêu cầu hoàn thuế đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, theo đó việc hoàn thuế sẽ được thực hiện trong các trường hợp như sau:
 - Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: giấy phép, hoặc giấy chứng nhận, hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận;
 - Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành chưa phải đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: giấy phép, hoặc giấy chứng nhận, hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận;
 - Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành không phải có giấy kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: giấy phép, hoặc giấy chứng nhận, hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận. Trước đây, do chưa có quy định cụ thể nên cơ quan thuế địa phương có xu hướng yêu cầu người nộp thuế phải có đầy đủ giấy kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện để được hoàn thuế GTGT.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 12/9/2022. Riêng quy định về hoàn thuế GTGT được áp dụng từ ngày 01/07/2016 (ngày Nghị định 100/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành). Trường hợp doanh nghiệp đã bị thu hồi số thuế GTGT của dự án đầu tư theo quy định hiện hành thì cơ quan thuế điều chỉnh tiền thuế GTGT, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế (nếu có). Việc bù trừ, hoàn nộp thừa thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Sửa đổi quy định về chính sách giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8%

Ngày 20/6/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 41/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn, chứng từ và Nghị định 15/2022/NĐ-CP về chính sách giảm thuế GTGT tăng từ 10% xuống 8%.

Theo đó, sửa đổi quy định về việc lập hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT xuống 8% như sau:

- Yêu cầu về xuất hóa đơn GTGT riêng đối với hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT được bãi bỏ. Theo Nghị định 41 thì:

- Trường hợp cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn GTGT phải ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ.
 - Trường hợp cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu thì khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì trên hóa đơn bán hàng phải ghi rõ số tiền được giảm theo quy định.
 - Trường hợp từ ngày 01/02/2022 - 20/6/2022, cơ sở kinh doanh đã thực hiện lập hóa đơn GTGT theo quy định trên thì vẫn được giảm thuế GTGT và không phải điều chỉnh lại hóa đơn, không bị xử phạt về thuế và hóa đơn Nghị định 41/2022/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày ký.
4. **Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 về gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2022**

Về ngành nghề kinh doanh được gia hạn: Tương tự như năm 2021

Thời gian gia hạn:

- Đối với thuế GTGT: Áp dụng cho kỳ tính thuế từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2022 (đối với trường hợp kê khai theo tháng) và kỳ tính thuế quý I, quý II năm 2022 (đối với trường hợp kê khai theo quý).

Kỳ tính thuế	Thời gian gia hạn
3/2022	20/10/2022
4/2022	20/11/2022
5/2022	20/12/2022
6/2022	20/12/2022
7/2022	20/12/2022
8/2022	20/12/2022
Quý I/2022	30/10/2022
Quý II/2022	31/12/2022

- Đối với thuế TNDN: Gia hạn thời hạn tạm nộp của quý I, quý II kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022. Thời gian gia hạn là 03 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp TNDN theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
- Đối với thuế GTGT, thuế TNCN của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số tiền thuế phải nộp phát sinh năm 2022. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn tại khoản này chậm nhất là ngày 30 tháng 12 năm 2022.
- Đối với tiền thuê đất: Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2022 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 06 tháng kể từ ngày 31/5/2022.

Trình tự, thủ tục gia hạn

Người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ thời gian gia hạn. Thời hạn nộp chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2022, cơ quan quản lý thuế vẫn thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất của các kỳ phát sinh được gia hạn trước thời điểm nộp Giấy đề nghị gia hạn.

PHẦN II. TÓM LƯỢC CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY ĐÃ BAN HÀNH TỪ ĐẦU NĂM 2022 ĐẾN NAY

THUẾ GTGT

1. Khai thuế thay, nộp thuế thay đối với khoản thưởng khuyến mại, chiết khấu thương mại cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán:

Đối với quà tặng khuyến mại

Trường hợp Công ty tặng hiện vật là tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng cho khách hàng không kèm theo việc mua, bán hàng hóa thì khoản quà tặng mà khách hàng nhận được thuộc diện chịu thuế TNCN từ quà tặng. Trường hợp Công ty chi hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật cho hộ

khoản đạt doanh số thì thực hiện khai, khấu trừ và nộp thuế thay theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020.

Đối với khoản chiết khấu thương mại:

Trường hợp Công ty thực hiện việc chiết khấu thương mại cho khách hàng là hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán mua hàng với khối lượng lớn thì Công khai thuế thay, nộp thuế thay cho hộ khoán theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ được thực hiện kể từ ngày 01/8/2021 (hiệu lực của Thông tư số 40/2021/TT-BTC).

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm khi cung cấp thông tin về phương pháp tính thuế của hộ kinh doanh cho tổ chức để tổ chức thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là hộ khoán. Cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu về khai thuế, hóa đơn, chứng từ của người nộp thuế để quản lý rủi ro trong trường hợp này.

Đối với khoản khuyến mại

Trường hợp tổ chức thực hiện chương trình khuyến mại đúng quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 92 của Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 thì khoản tiền, hiện vật hộ khoán nhận được vượt trên 10 triệu đồng thuộc diện chịu thuế TNCN từ trúng thưởng. Tổ chức chi trả thưởng từ khuyến mại thực hiện việc khấu trừ thuế theo hướng dẫn tại Điều 15, điểm g khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013.

Đối với khoản thuế Công ty nộp thay cho khách hàng nhận quà tặng khuyến mại, chiết khấu thương mại

Trường hợp Công ty chi trả các khoản quà tặng khuyến mại, chiết khấu thương mại,... cho cá nhân và nộp thuế thay cho cá nhân thì Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản thuế nộp thay cho cá nhân.

(CV số 3870/TCT-DNNCN ngày 19/10/2022 và CV số 346/TCT-DNNCN ngày 09/02/2022)

2. Kế khai thuế trong thời gian NNT bị cưỡng chế nợ bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Người nộp thuế bị cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã không thuộc đối tượng không phải nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Trường hợp trong thời gian bị cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã người nộp thuế chưa thực hiện kê khai thuế thì người nộp thuế phải thực hiện kê khai lại các kỳ kê khai này và bị xử phạt về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế, tính tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định.

(CV số 3510/TCT-KK ngày 22/09/2022)

3. Sử dụng hóa đơn đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ

Theo Công văn số 8042/BTC-TCHQ ngày 12/08/2022, doanh nghiệp nội địa kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng cho doanh nghiệp chế xuất ("DNCX"), doanh nghiệp trong khu phi thuế quan được sử dụng chứng từ khi làm thủ tục xuất-nhập khẩu tại chỗ như sau:

- Khi làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ: người khai hải quan được nộp phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ (bản chụp) thay hóa đơn GTGT theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.
- Khi làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ: người khai hải quan phải nộp hóa đơn GTGT (bản chụp) kèm theo hồ sơ hải quan thông qua hệ thống hải quan điện tử.

4. Không phát hành thêm hóa đơn GTGT điện tử khi làm thủ tục xuất khẩu

Ngày 03/06/2022, Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn số 2054/TCHQ-GSQL gửi Tổng cục thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử cho hàng xuất khẩu với nội dung như sau:

- Về hóa đơn nộp trong bộ hồ sơ hải quan xuất khẩu: Theo pháp luật hải quan hiện hành, hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu yêu cầu hóa đơn thương mại hoặc chứng từ có giá trị

tương đương, không quy định phải phát hành thêm hóa đơn GTGT điện tử để làm thủ tục xuất khẩu.

- Về thời điểm phát hành hóa đơn điện tử đối với hàng xuất khẩu: Thời điểm phát hành hóa đơn thương mại và hóa đơn GTGT là khác nhau. Theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định 123/2020/NĐ-CP, thời điểm phát hành hóa đơn GTGT đối với hàng xuất khẩu là sau khi người khai hải quan hoàn thành thủ tục hải quan xuất khẩu. Theo đó, tại thời điểm làm thủ tục hải quan để xuất khẩu, người khai hải quan chưa thể phát hành hóa đơn GTGT để nộp cùng với hồ sơ khai hải quan

5. Dấu hiệu, hành vi vi phạm trong việc quản lý hóa đơn

Ngày 01/06/2022, TCT ban hành Công văn số 1873/TCT-TTKT về các biện pháp tăng cường rà soát, kiểm tra phát hiện người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro về hóa đơn, chống gian lận hoàn thuế GTGT. Đáng chú ý, TCT đã đưa ra cụ thể hai mươi lăm (25) dấu hiệu, hành vi vi phạm tại Phụ lục kèm theo công văn này.

6. Sử dụng hóa đơn điện tử:

Về việc lập hóa đơn điện tử cho hàng xuất khẩu

Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính thì cơ sở kinh doanh kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu) khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn GTGT điện tử.

Về việc sử dụng bảng kê kèm theo hóa đơn

Các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyển phát, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm được bán theo kỳ nhất định thì trên hóa đơn phải ghi cụ thể kỳ cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Đối với các dịch vụ xuất theo kỳ phát sinh, được sử dụng bảng kê để liệt kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn; bảng kê được lưu giữ cùng hóa đơn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan có thẩm quyền.

Hóa đơn phải ghi rõ "kèm theo bảng kê số..., ngày... tháng... năm". Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập Bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì Bảng kê phải có tiêu thức "thuế suất GTGT" và "tiền thuế GTGT". Tổng cộng tiền thanh toán đúng với số tiền ghi trên hóa đơn GTGT. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên Bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày. Bảng kê phải ghi rõ "kèm theo hóa đơn số ngày... tháng... năm".

(CV số 9517/BTC-TCT ngày 19/09/2022)

Từ 01/07/2022, hóa đơn bán hàng điện tử là hóa đơn dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan, tổ chức, cá nhân khai, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp sử dụng cho các hoạt động, trong đó, có xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài. Việc lập hóa đơn điện tử đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhằm mục đích chuyển dữ liệu doanh thu xuất khẩu cho cơ quan thuế để thực hiện việc quản lý.

Từ ngày 01/7/2022, thời điểm lập hóa đơn điện tử khi doanh nghiệp chế xuất xuất khẩu sản phẩm và trường hợp xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020.

(CV 8404/BTC-TCT ngày 23/08/2023)

- 7. Thời điểm lập hóa đơn:** Trường hợp hoạt động xây dựng, lắp đặt có thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, được xác định từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022 thì thuộc trường hợp được giảm thuế GTGT theo quy định tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP. ***(CV số 7460/BTC-TCT ngày 29/07/2022)***

8. **Chính sách giảm thuế GTGT:** Trường hợp hoạt động xây dựng, lắp đặt có thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, được xác định từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022 thì thuộc trường hợp được giảm thuế GTGT theo quy định tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP (**CV số 1459/TCT-CS ngày 06/05/2022**)
9. **Thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp cho DNCX theo chỉ định của DN nước ngoài:**
 Trường hợp Công ty ký hợp đồng dịch vụ sửa chữa với DN nước ngoài và được chỉ định thực hiện dịch vụ đó cho DNCX tại Việt Nam thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu các dịch vụ đó được thực hiện tại DNCX, đảm bảo điều kiện tiêu dùng tại DNCX đồng thời áp dụng các điều kiện áp dụng thuế suất 0% theo quy định của pháp luật về thuế GTGT hiện hành.
 Trường hợp Công ty không áp dụng được điều kiện đối với dịch vụ xuất khẩu (tiêu dùng ngoài khu phi thuế quan) thì Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% đối với các dịch vụ nêu trên.
(CV số 3603/CTBNI-TTHT ngày 01/11/2022 của Cục thuế Bắc Ninh)
10. **Doanh nghiệp chế xuất bán sản phẩm cho doanh nghiệp nội địa:** Công ty là DNCX bán sản phẩm do Công ty tự sản xuất ra cho doanh nghiệp nội địa (hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ) thì Công ty không phải kê khai, nộp thuế GTGT với cơ quan thuế cho hoạt động của DNCX (sản xuất hàng hóa để xuất khẩu). Khi bán sản phẩm sản xuất ra cho doanh nghiệp nội địa Công ty sử dụng hóa đơn bán hàng, trên hóa đơn ghi rõ "Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan" xuất cho doanh nghiệp nội địa để thực hiện thủ tục hải quan theo quy định (**CV số 2935/CTBNI-TTHT ngày 16/09/2022 của Cục thuế Bắc Ninh**)

THUẾ TNDN

1. **Không phát sinh doanh thu năm 2019 thì không được giảm 30% thuế TNDN năm 2021:** Theo quy định tại Nghị định 92/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp có doanh thu kỳ tính thuế 2021 không quá 200 tỷ VNĐ và giảm so với doanh thu kỳ tính thuế 2019 thì được giảm 30% thuế TNDN trong năm 2021. Trường hợp doanh nghiệp không phát sinh doanh thu trong năm 2019 (tức không đáp ứng 1 trong 2 điều kiện của Nghị định 92/2021/NĐ-CP) thì không thuộc đối tượng được giảm 30% thuế TNDN năm 2021. Trường hợp doanh nghiệp thành lập năm 2019 có thời gian hoạt động ngắn hơn 3 tháng có phát sinh doanh thu, thì doanh thu của năm 2019 để xác định việc giảm thuế TNDN được quy đổi bằng doanh thu thực tế chia cho số tháng thực tế hoạt động nhân với 12 tháng. (**CV số 2594/TCT-CS ngày 21/07/2022**)
2. **Bán tài sản để trả nợ khoản vay:** Trường hợp Công ty ký hợp đồng mua bán tài sản với khách hàng thì không thuộc trường hợp bán tài sản bảo đảm tiền vay do tổ chức tín dụng hoặc do cơ quan thi hành án hoặc bên đi vay vốn tự bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay để trả nợ khoản vay có bảo đảm nên không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. (**CV số 2652/TCT-CS ngày 25/07/2022**)
3. **Thay đổi về đối tượng lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:**
 Ngày 7/4/2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 24/2022 /TT-BTC sửa đổi Thông tư 48/2019/TT-BTC về dự phòng giảm giá đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.
 Theo Thông tư này, quy định về trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu địa phương và trái phiếu được chính phủ bảo lãnh không còn được áp dụng.
 Số dư dự phòng các khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương mà doanh nghiệp đã trích lập đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành (nếu có) được hoàn nhập, ghi giảm chi phí tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2022.

Thông tư 24 có hiệu lực từ ngày 25/5/2022.

1. **Vướng mắc liên quan đến xác định giao dịch liên kết:**

Tại Điểm 1d, Điều 5 Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định:

"d) Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của

chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay”

thuộc các bên có quan hệ liên kết.

Trường hợp doanh nghiệp không có các khoản nợ trung và dài hạn thì không thuộc trường hợp áp dụng điểm này. Như vậy, các doanh nghiệp có các khoản vay ngắn hạn chiếm trên 25% vốn chủ sở hữu nhưng không có khoản nợ trung và dài hạn thì không thuộc trường hợp nêu tại Điểm 1d, Điều 5 Nghị định 132 nêu trên.

(CV số 915/TCT-TTKT ngày 25/03/2022)

2. **Chuyển ưu đãi thuế TNDN của kỳ ưu đãi đầu tiên có thời gian hoạt động dưới 12 tháng:** Trường hợp năm đầu tiên phát sinh thu nhập của dự án đầu tư mới có thời gian hoạt động sản xuất kinh doanh dưới 12 tháng thì doanh nghiệp được lựa chọn hưởng thời gian miễn, giảm đối với dự án đầu tư mới ngay từ năm tính thuế đó, hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế từ năm tính thuế tiếp theo. Việc lựa chọn chuyển kỳ tính thuế được hưởng ưu đãi sang kỳ tiếp theo không áp dụng đối với ưu đãi về thuế suất thuế TNDN. **(CV số 756/TCT-CS ngày 16/03/2022)**
3. **Khoản phí hỗ trợ làm đại lý bảo hiểm có thể phân bổ theo thời hạn hợp đồng khi tính thu nhập chịu thuế TNDN:** Trường hợp ngân hàng nhận được khoản tiền hỗ trợ từ công ty bảo hiểm để thực hiện hợp đồng đại lý bảo hiểm độc quyền trong một thời gian nhất định và ngân hàng phải hoàn trả khoản phí hỗ trợ tương ứng nếu ngân hàng chấm dứt hợp đồng đại lý bảo hiểm trước thời hạn thì ngân hàng được phân bổ khoản tiền nhận hỗ trợ theo thời hạn của hợp đồng khi tính thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 531/TCT-DNL ngày 25/02/2022)**
4. **Ưu đãi thuế TNDN khi điều chỉnh thời gian hoạt động của dự án:** Trường hợp doanh nghiệp sửa đổi Giấy phép đầu tư trong giai đoạn đầu tư để thay đổi thời gian hoạt động của doanh nghiệp mà việc sửa đổi này không làm ảnh hưởng đến điều kiện ưu đãi thuế và thực tế doanh nghiệp vẫn đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế thì doanh nghiệp vẫn được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật thuế TNDN. **(CV số 923/TCT-CS ngày 28/03/2022)**
5. **Thời điểm lập hóa đơn và ghi nhận doanh thu:** Trường hợp doanh nghiệp chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua; hoàn thành việc cung ứng dịch vụ trong tháng 12/2021 và hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT theo quy định tại Nghị định số 92/2021/NĐ-CP thì doanh nghiệp thuộc trường hợp được giảm 30% thuế GTGT theo quy định tại Nghị định số 92/2021/NĐ-CP nêu trên. Trường hợp doanh nghiệp lập hóa đơn không đúng thời điểm thì bị xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn theo quy định. **(CV số 2487/TCT-CS ngày 14/7/2022)**
6. **Ưu đãi thuế TNDN theo địa bàn:** Trường hợp doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện địa bàn, có bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh cho thuê nhà xưởng mà không tăng vốn, không thực hiện hoạt động đầu tư mở rộng để tăng tài sản thì phần thu nhập từ ngành nghề kinh doanh cho thuê nhà xưởng không được hưởng ưu đãi thuế TNDN. **(CV số 1581/TCT-CS ngày 16/05/2022)**
7. **Chính sách thuế thực hiện tài trợ cho hoạt động phòng chống Covid:**

Trường hợp các đơn vị nhập khẩu từ nước ngoài để tài trợ: Hàng hóa của tổ chức, cá nhân nhập khẩu để tài trợ, phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 được áp dụng chính sách thuế GTGT như hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài để tài trợ thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với giá trị hiện vật tài trợ cho hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ theo quy định tại Nghị định 44/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Pháp luật về thuế TNDN không có quy định tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản tiền thuế GTGT không thu được tiền trên hóa đơn tài trợ bằng hiện vật.

(CV số 1585/TCT-CS ngày 16/05/2022)

8. **Chính sách thuế đối với lãi tiền gửi trong giai đoạn đầu tư:** Trường hợp Công ty có phát sinh khoản vay dùng cho mục đích đầu tư TSCĐ thì trong giai đoạn đầu tư chi phí lãi tiền vay được bù trừ với lãi tiền gửi. Sau khi bù trừ, phần chênh lệch còn lại ghi giảm giá trị đầu tư. Trường hợp trong giai

đoạn đầu tư Công ty không phát sinh khoản vốn vay sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang mà chỉ phát sinh thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay thì khoản thu nhập này tính vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 6562/CTTPHCM-THTT ngày 09/06/2022)**

THUẾ TNCN

1. Về việc sử dụng biên lai điện tử và chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử

Ngày 12/07/2022, TCT ban hành Công văn số 2455/TCT-DNNCN hướng dẫn một số nội dung về việc sử dụng biên lai điện tử và chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử như sau:

- Hiện nay, TCT đang trong quá trình xây dựng định dạng chuẩn dữ liệu của biên lai điện tử. Trong thời gian chưa có hướng dẫn của TCT, doanh nghiệp tiếp tục được sử dụng biên lai giấy đặt in, tự in, mua của cơ quan thuế hoặc biên lai điện tử theo thông tư 32/2011/TT-BTC;
- Từ ngày 01/07/2022, cơ quan thuế sẽ không tiếp tục bán chứng từ khấu trừ thuế TNCN do cơ quan thuế đặt in. Người nộp thuế có thể tạo chứng từ khấu trừ thuế điện tử bằng phần mềm của doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP. Trong giai đoạn chuyển tiếp khi chưa có chứng từ khấu trừ thuế điện tử, doanh nghiệp có thể sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN theo hình thức tự phát hành. Các chứng từ khấu trừ mua từ cơ quan thuế còn tồn có thể tiếp tục sử dụng sau ngày 1/7/2022.

2. Kế khai, nộp thuế đối với trường hợp tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân:

Trường hợp tổ chức ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân thì tổ chức có trách nhiệm khai thuế GTGT đối với toàn bộ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế của tổ chức mà không phân biệt hình thức phân chia kết quả hợp tác kinh doanh, đồng thời khai thay và nộp thuế thay thuế TNCN cho cá nhân hợp tác kinh doanh.

Trường hợp tổ chức ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 5 Điều 51 Luật Quản lý thuế (phương pháp khoán), mà cá nhân có ngành nghề đang hoạt động cùng với ngành nghề hợp tác kinh doanh với tổ chức thì tổ chức và cá nhân tự thực hiện khai thuế tương ứng với kết quả thực tế hợp tác kinh doanh theo quy định.

Phương pháp tính thuế, căn cứ tính thuế, hồ sơ khai thuế, nơi nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và thời hạn nộp thuế được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 10 và Điều 16 Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính

(CV số 1805/TCT-DNL ngày 27/05/2022)

3. Rà soát và chấm dứt hiệu lực mã số thuế của địa điểm kinh doanh thuộc diện khai thuế qua trụ sở chính: Tại Công văn số 1269/TCT-KK ngày 25/04/2022, TCT đề nghị các cục thuế địa phương rà soát lại các địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đã được cấp mã số thuế 13 số theo Công văn số 3200/TCT-KK trước đây ban hành ngày 12/08/2019. Nếu địa điểm kinh doanh không thuộc trường hợp trực tiếp khai nộp thuế hoặc thuộc trường hợp khai nộp thuế qua trụ sở chính theo quy định hiện hành tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, Thông tư 105/2020/TT-BTC và Thông tư 80/2021/TT-BTC thì cục thuế địa phương thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế của địa điểm kinh doanh sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế.

4. Thuế TNCN khoản chi khám sức cho người lao động:

Trường hợp Công ty có chính sách khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động theo hình thức người lao động tự thực hiện, ủy quyền cho người lao động thanh toán trước chi phí khám sức khỏe cho cơ sở y tế, hóa đơn được lập theo tên và mã số thuế Công ty, sau đó Công ty hoàn trả lại cho người lao động qua ngân hàng thì khoản chi này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng điều kiện về hóa đơn, chứng từ và thanh toán theo quy định tại Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC. Trường hợp nội dung chi trả nêu tên ghi rõ tên cá nhân được hưởng thì khoản chi trả này được tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động. **(CV số 6524/CTTPHCM-THTT ngày 08/06/2022 của Cục thuế Tp.HCM)**

THUẾ NHÀ THẦU

1. Chính sách thuế đối với khoản bồi thường hàng lỗi, hỏng: Khoản thu nhập từ tiền phạt, tiền bồi thường do bên đối tác vi phạm hợp đồng mà nhà thầu nước ngoài nhận được thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo mức thuế suất thuế TNDN là 2%, không tính thuế GTGT.

Khoản chi tiền bồi thường mà Công ty phải chi trả cho đối tác nước ngoài nếu có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

(CV số 2191/CTBNI-TTHT ngày 19/07/2022 của Cục thuế Bắc Ninh)

2. **Kê khai thuế đối với hoạt động quảng cáo trên facebook:** Trường hợp Công ty Meta – nhà cung cấp nước ngoài đã đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế trực tiếp tại Việt Nam theo quy định thì tổ chức mua dịch vụ của nhà cung cấp ở nước ngoài không phải thực hiện kê khai, khấu trừ và nộp thay thuế cho nhà cung cấp ở nước ngoài. **(CV số 44297/CTHN-TTHT ngày 09/09/2022)**

XUẤT NHẬP KHẨU

1. **Hàng hóa NK để xây dựng DNCX:** trường hợp nhà thầu nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài để xây dựng nhà xưởng, văn phòng, lắp đặt thiết bị cho doanh nghiệp chế xuất đáp ứng quy định về hồ sơ, thủ tục hải quan tại điểm c khoản 4 Điều 16, khoản 2 Điều 75 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đối với hồ sơ phát sinh tại thời điểm Thông tư số 38/2015/TT-BTC có hiệu lực); khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, khoản 51 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 75 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (đối với hồ sơ phát sinh tại thời điểm Thông tư số 39/2018/TT-BTC có hiệu lực) thì không phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu. **(CV số 4458/TCHQ-TXNK ngày 24/10/2022)**
2. **Xử lý thuế hàng SXK:** Kho ngoại quan đáp ứng định nghĩa khu phi thuế quan theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 đồng thời là khu vực hải quan riêng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14, quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa kho ngoại quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa từ kho ngoại quan vào nội địa để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 thì được miễn thuế nhập khẩu, không thu thuế GTGT theo quy định. **(CV số 4200/TCHQ-TXNK ngày 06/10/2022)**
3. **Thanh lý hàng hóa của DNCX:**

Việc xử lý đối với tài sản thanh lý của DNCX được thực hiện như sau:

- Đối với hàng hóa, thiết bị được mua từ nội địa (không làm thủ tục hải quan) hoặc hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu nhưng đã thực hiện đầy đủ chính sách thuế, chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu theo quy định như hàng hóa nhập khẩu không hưởng chế độ, chính sách áp dụng đối với DNCX tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu: Khi mua bán, thanh lý hàng hóa này với doanh nghiệp nội địa, DNCX không phải làm thủ tục hải quan.
- Đối với hàng hóa, thiết bị có nguồn gốc nhập khẩu áp dụng chính sách thuế, chính sách quản lý hàng hóa đối với DNCX: DNCX được lựa chọn hình thức chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc làm thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ khi thanh lý hàng hóa. Trường hợp DNCX lựa chọn hình thức thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ thì DNCX thực hiện thủ tục xuất khẩu tại chỗ; doanh nghiệp nội địa thực hiện thủ tục nhập khẩu tại chỗ, nộp các loại thuế theo quy định. Tại thời điểm thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu ban đầu; hàng hóa quản lý bằng giấy phép thì phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản.

(CV số 4067/TCHQ-TXNK ngày 29/09/2022)

4. **Chính sách thuế hàng hóa thuê, mượn của DNCX:** Trường hợp doanh nghiệp nội địa thuê, mượn hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất theo hợp đồng thuê, mượn để phục vụ sản xuất thì doanh nghiệp nội địa không thuộc trường hợp được miễn thuế nhập khẩu, doanh nghiệp nội địa phải kê khai nộp thuế nhập khẩu khi tạm nhập và không thuộc trường hợp được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp khi tái xuất theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13. **(CV số 3269/TCHQ-TXNK ngày 08/08/2022)**

KẾ TOÁN

1. **Hướng dẫn hạch toán kế toán với hoạt động kinh doanh mua bán nợ**
Về hạch toán nghiệp vụ mua khoản nợ

Trường hợp Công ty có giao dịch mua nợ theo Hợp đồng thì tại thời điểm mua khoản nợ, Công ty phải xác định mục đích mua khoản nợ đó để kinh doanh hay là nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tùy vào mục đích của việc mua lại khoản nợ, kế toán sẽ hạch toán như sau:

- Trường hợp mua khoản nợ với mục đích kinh doanh, thì khi mua khoản nợ doanh nghiệp ghi tăng giá trị chứng khoán kinh doanh và hạch toán vào Tài khoản 121- Chứng khoán kinh doanh. Khi bán khoản nợ cho các đơn vị khác, doanh nghiệp ghi nhận lãi vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc ghi nhận lỗ vào chi phí tài chính.
- Trường hợp mua khoản nợ với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn thì doanh nghiệp sẽ ghi tăng giá trị khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và hạch toán vào Tài khoản 128 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Định kỳ khi thu lãi cho vay doanh nghiệp hạch toán là doanh thu tài chính. Khi đáo hạn khoản vay, doanh nghiệp được nhận lại gốc cho vay (theo hợp đồng gốc) và phản ánh số chênh lệch giữa số tiền nhận được với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (theo giá mua) là doanh thu tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

Về hạch toán chi phí phát sinh từ việc mua khoản nợ

Đối với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua khoản nợ (như phí môi giới, phí giao dịch...), kế toán ghi nhận và giá gốc khoản nợ đã mua.

Về trích lập dự phòng theo quy định của kế toán

- Trường hợp khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn: Theo điểm 3.6 Điều 16 Thông tư 200 thì không lập dự phòng cho khoản này mà khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thể không thu hồi được, doanh nghiệp phải đánh giá khả năng, xác định giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi. Nếu khoản tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, doanh nghiệp phải ghi nhận khoản tổn thất (là phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư) vào chi phí tài chính.
- Trường hợp khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ cho mục đích kinh doanh: Theo quy định tại khoản 1.2 Điều 45 Thông tư 200 thì nếu doanh nghiệp có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ thì doanh nghiệp được trích lập dự phòng và tính vào chi phí tài chính.

Như vậy cả 2 trường hợp đều ghi nhận khoản tổn thất vào chi phí tài chính, chỉ khác cách thức trình bày trên báo cáo tài chính (lập dự phòng thì không ghi trực tiếp khoản tổn thất làm giảm giá gốc của khoản đầu tư).

Về kế toán giảm khoản đầu tư

- Trường hợp Công ty không có khả năng thanh toán cho bên bán khoản nợ thì căn cứ vào giá trị khoản nợ đã trả lại cho bên bán, kế toán ghi giảm giá trị khoản đầu tư, giảm khoản phải trả người bán tương ứng với giá trị khoản nợ đã trả lại.
- Việc xác định doanh thu, chi phí được trừ để tính thu nhập chịu thuế TNDN thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

(CV số 8062/BTC-QLKT ngày 15/08/2022)

2. Bộ máy kế toán đơn vị hạch toán phụ thuộc:

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp không phải là đơn vị kế toán trong hoạt động kinh doanh nên pháp luật kế toán hiện hành không có yêu cầu bắt buộc doanh nghiệp phải tổ chức bộ máy kế toán ở các đơn vị hạch toán phụ thuộc (ví dụ như chi nhánh hạch toán phụ thuộc). Việc tổ chức bộ máy kế toán, bố trí kế toán trưởng, người phụ trách kế toán của đơn vị hạch toán phụ thuộc (ví dụ như chi nhánh hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp) do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quyết định căn cứ vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu quản lý của đơn vị. ***(CV số 8025/BTC-QLKT ngày 12/08/2022)***

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

1. **Hướng dẫn về số giờ làm thêm trong năm:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết 17/2022/UBTVQH15 (“Nghị quyết 17”), Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam đã ban hành Công văn số 4359/TLĐ-QHLD ngày 16/06/2022 hướng dẫn một số nội dung sau:

- Các trường hợp NSDLĐ sử dụng NLD làm thêm tối đa 300 giờ/1 năm là các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 17 và Khoản 3 Điều 107 Bộ luật Lao động 2019;
- Tất cả các trường hợp được tổ chức tăng ca đến 300 giờ/năm đều được áp dụng mức tăng ca từ trên 40 giờ đến 60 giờ/tháng kể từ ngày 1/4/2022;
- Nếu tổ chức tăng ca từ trên 200 giờ đến 300 giờ/năm, doanh nghiệp phải thông báo với Sở LĐTB&XH địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 107 Bộ luật lao động và Điều 62 Nghị định 145/2020/NĐ-CP;
- Thời hạn áp dụng hạn mức tăng ca theo Nghị quyết 17 là đến hết ngày 31/12/2022, trừ trường hợp được Quốc hội kéo dài thêm.

Khi tổ chức thực hiện quy định về số giờ làm thêm theo Nghị quyết 17 vẫn phải tuân thủ đầy đủ các quy định khác về làm thêm giờ như quy định về giới hạn số giờ làm thêm trong ngày; tiền lương phải trả khi làm thêm giờ; các nội dung về sự đồng ý của người lao động tham gia làm thêm; thông báo khi tổ chức làm thêm trên 200 giờ trong 01 năm...

2. Tăng lương tối thiểu vùng

Ngày 12/6/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được áp dụng từ ngày 01/7/2022.

Nghị định 38 lần đầu tiên quy định mức lương tối thiểu vùng không chỉ theo tháng mà còn quy định theo giờ, cụ thể:

Vùng	Mức lương tối thiểu theo tháng	Mức lương tối thiểu theo giờ
I	4.680.000 đồng (trước 4,420,000 đồng)	22.500 đồng
II	4.160.000 đồng (trước 3,920,000 đồng)	20.000 đồng
III	3.640.000 đồng (trước 3,430,000 đồng)	17.500 đồng
IV	3.250.000 đồng (trước 3,070,000 đồng)	15.600 đồng

Đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tuần hoặc theo ngày hoặc theo sản phẩm hoặc lương khoán thì mức lương của các hình thức trả lương này nếu quy đổi theo tháng hoặc theo giờ không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng hoặc mức lương tối thiểu giờ. Nghị định 38 cũng hướng dẫn về việc quy đổi tiền lương tuần sang tháng/giờ theo cách tính cụ thể.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022.

QUY ĐỊNH KHÁC

1. Vướng mắc chính sách LPTB

Trường hợp doanh nghiệp được nhà nước giao đất để thực hiện dự án kinh doanh gồm nhiều phần diện tích đất có mục đích sử dụng khác nhau để xây dựng các hạng mục công trình có mục đích sử dụng khác nhau, nay doanh nghiệp đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì mức thu lệ phí trước bạ được tính tối đa là 500 triệu đồng cho một lần cơ quan quản lý nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(CV số 2819/TCT-CS ngày 03/08/2022)

2. Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 quy định về việc hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay bằng đồng Việt Nam phát sinh từ hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại đối với khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc các trường hợp được hỗ trợ lãi suất.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hỗ trợ lãi suất thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có mục đích sử dụng vốn vay thuộc một trong các ngành đã được đăng ký kinh doanh quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg, bao gồm: hàng không, vận tải kho bãi (H), du lịch (N79), dịch vụ lưu trú, ăn uống (I), giáo dục và đào tạo (P), nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (A), công nghiệp chế biến, chế tạo (C), xuất bản phần mềm (J582), Lập trình máy vi tính và hoạt động liên quan (J-62), hoạt động dịch vụ thông tin (J-63); trong đó có hoạt động xây dựng phục vụ trực tiếp cho các ngành kinh tế nói trên nhưng không bao gồm hoạt động xây dựng cho mục đích kinh doanh bất động sản quy định tại mã ngành kinh tế (L).

- Có mục đích sử dụng vốn vay để thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo chung cư cũ thuộc danh mục dự án do Bộ Xây dựng tổng hợp, công bố.

Khoản vay được hỗ trợ lãi suất được ký kết thỏa thuận cho vay và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2023, sử dụng vốn đúng mục đích nêu trên và chưa được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo các chính sách khác

Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất:

Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với nghĩa vụ trả nợ lãi tại các kỳ hạn trả nợ lãi mà thời điểm trả nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày 20/05/2022 đến ngày 31/12/2023. Ngân hàng thương mại dừng hỗ trợ lãi suất sau thời điểm 31/12/2023 hoặc khi hết nguồn kinh phí (hạn mức hỗ trợ lãi suất) được thông báo, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Thời hạn và mức lãi suất hỗ trợ

Thời hạn được hỗ trợ lãi suất tính từ ngày giải ngân khoản vay đến thời điểm khách hàng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận giữa ngân hàng thương mại và khách hàng, phù hợp với nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất được thông báo, nhưng không vượt quá ngày 31/12/2023.

Mức lãi suất hỗ trợ đối với khách hàng là 2%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay hỗ trợ lãi suất thực tế nằm trong khoảng thời gian nêu trên.

Phương thức hỗ trợ lãi suất:

Ngân hàng thương mại lựa chọn thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng theo một trong các phương thức sau:

- Giảm trừ trực tiếp số lãi tiền vay phải trả của khách hàng bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất.
- Thực hiện thu của khách hàng toàn bộ lãi tiền vay trong kỳ và hoàn trả khách hàng số tiền lãi vay được hỗ trợ lãi suất trong cùng ngày thu lãi. Trường hợp việc thu lãi vay trong kỳ thực hiện sau giờ làm việc của ngân hàng thương mại thì việc hoàn trả số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất có thể thực hiện vào ngày tiếp theo.

3. Gia hạn nộp thuế TTĐB

Ngày 21/5, Chính phủ ban hành Nghị định 32/2022/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt (“TTĐB”) đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước

Theo Nghị định 32/2022, thời hạn gia hạn nộp thuế TTĐB đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đối với số thuế phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2022 và kéo dài chậm nhất đến ngày 20 tháng 11 năm 2022.

4. Hướng dẫn mới về vay, trả nợ nước ngoài

Thông tư 12/2022/TT-NHNN ngày 30/09/2022 hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

Thông tư này thay thế Thông tư 03/2016/TT-NHNN nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

Thông tư 12/2022/TT-NHNN có sự sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp cũng như mục tiêu quản lý của Ngân hàng Nhà nước. Một số điểm đáng lưu ý như sau:

- Trường hợp bên đi vay lựa chọn khai báo thông tin đăng ký, đăng ký thay đổi để giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, bên đi vay sử dụng trang điện tử để khai báo thông tin liên quan đến khoản vay được đăng ký, khai báo thông tin về các nội dung đề nghị xác nhận đăng ký thay đổi trước khi gửi hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài.
- Đối với việc báo cáo tình hình thực hiện khoản vay nước ngoài, bên đi vay phải sử dụng trang điện tử để thực hiện chế độ báo cáo trực tuyến theo quy định tại Thông tư này.
- Thông tư 12 cũng quy định một số khoản vay phải thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước. Đó là các khoản vay trung, dài hạn nước ngoài; khoản vay ngắn hạn được gia hạn thời gian trả nợ gốc mà tổng thời hạn của khoản vay là trên 1 năm.
- Doanh nghiệp cũng phải đăng ký khoản vay ngắn hạn không có thỏa thuận gia hạn nhưng còn dư nợ gốc (bao gồm cả nợ lãi được nhập gốc) tại thời điểm tròn 1 năm kể từ ngày rút vốn đầu

tiên, trừ trường hợp bên đi vay hoàn thành thanh toán dư nợ gốc nói trên trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ thời điểm tròn 1 năm tính từ ngày rút vốn đầu tiên.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/11/2022.